

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671004 - Hóa học đại cương
Lớp :

STC : 3(45,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Châu Minh	Ngọc	3471010225	05/12/1992	,00			
2	Phạm Thanh	Phụng	3475010194	12/10/1991	,00			Nợ HP
3	Võ Khắc Anh	Toàn	3475010297	20/09/1988	,00			Nợ HP
4	Nguyễn Quốc	Việt	3475010340	14/05/1992	,00			
5	Lương Xuân	Dũng	3671030530	03/08/1993	,00			
6	Hoàng Thiên	Quốc	3671040195	12/10/1994	,00			
7	Trần Đăng	Phong	3672050168	28/02/1994	9,00	7,50	8,00	
8	Trần Thái	Sơn	3672050314	19/05/1993	9,00	2,50	4,50	
9	Lê Gia	Huy	3771040003	06/01/1995	3,00	,00	,90	
10	Lê Tấn	Lợi	3771040007	07/05/1995	6,00	2,80	3,80	
11	Huỳnh Quốc	Quân	3771040008	12/03/1995	6,00	4,00	4,60	
12	Bùi Như	Ý	3771040011	04/11/1993	,00	,00	,00	CT
13	Nguyễn Hoàng	Ân	3771040023	02/03/1995	6,00	1,80	3,10	
14	Nguyễn	Tâm	3771040027	26/07/1995	4,00	1,00	1,90	
15	Nguyễn Khánh	Linh	3771040044	14/01/1995	6,00	7,80	7,30	
16	Nguyễn Đình	Thảo	3771040046	18/02/1994	6,00	1,00	2,50	
17	Đoàn Minh	Quân	3771040049	04/02/1994	9,00	5,80	6,80	
18	Lê Xuân	Ngọc	3771040051	02/02/1995	2,00	4,50	3,80	
19	Ngô Hữu	Nghĩa	3771040055	19/12/1995	1,00	2,80	2,30	
20	Phạm Minh	Trực	3771040056	08/03/1995	4,00	,50	1,60	
21	Nguyễn Văn	Minh	3771040058	19/12/1994	8,00	7,00	7,30	
22	Trần Anh	Kiệt	3771040064	23/08/1995	3,00	2,50	2,70	
23	Nguyễn Thanh	Chương	3771040076	21/08/1995	,00	2,80	2,00	
24	Nguyễn Quốc	Trường	3771040079	26/06/1993	7,00	5,00	5,60	
25	Phan Ngọc	Cường	3771040080	01/12/1995	1,00	,00	,30	
26	Huỳnh Ngọc	Thanh	3771040085	30/03/1995	,00			
27	Nguyễn Thanh	Tuấn	3771040097	29/03/1995	3,00	1,80	2,20	
28	Võ Thái	Hiệp	3771040119	10/07/1995	4,00	,00	1,20	
29	Nguyễn Trần Hữu	Tài	3771040143	26/10/1995	,00	,50	,40	
30	Trần Thành	Nhiên	3771040144	05/07/1994	8,00	8,80	8,60	
31	Dương Trần Quốc	Tiến	3771040145	10/08/1995	2,00	,00	,60	
32	Phạm Tuấn	Anh	3771040159	09/01/1995	3,00	2,00	2,30	
33	Đặng An	Khương	3771040160	22/01/1994	9,00			
34	Huỳnh Ngọc	Long	3771040181	10/04/1994	4,00	2,30	2,80	
35	Lê Minh	Thiên	3771040185	07/06/1995	6,00	3,00	3,90	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Võ Thanh	Toàn	3771040186	20/05/1995	7,00	4,80	5,50	
37	Mai Trọng	Chính	3771040194	11/11/1995	3,00	1,50	2,00	
38	Nguyễn Văn	Hồng	3771040200	06/02/1993	5,00	3,50	4,00	
39	Trần Công	Đức	3771040202	04/04/1994	4,00	7,00	6,10	
40	Đoàn Ngọc	Đông	3771040204	31/08/1995	5,00	3,30	3,80	
41	Đình Tuấn	Trình	3771040217	10/11/1995	,00			
42	Nguyễn Văn	Quý	3771040221	13/01/1995	8,00			
43	Nguyễn Trọng	Nghĩa	3771040229	04/09/1994	5,00	3,50	4,00	
44	Lê Văn	Tài	3771040253	07/05/1995	1,00	1,00	1,00	
45	Phùng Văn	Trọng	3771040258	05/09/1995	6,00	1,30	2,70	
46	Nguyễn Thành	Thoại	3771040278	20/04/1995	4,00	,00	1,20	
47	Trần Văn	Hải	3771040281	22/09/1995	7,00	,00	2,10	
48	Nguyễn Đình	Kỳ	3771040285	25/01/1995	5,00	4,50	4,70	
49	Trần Văn	Luận	3771040287	15/07/1993	2,00	1,00	1,30	
50	Nguyễn Tuấn	Anh	3771040304	13/09/1994	3,00	3,00	3,00	
51	Nguyễn Duy	Anh	3771040310	10/04/1995	,00	,00	,00	
52	Phạm Việt	Anh	3771040317	05/06/1995	3,00			
53	Phạm Ngọc	Tuấn	3771040321	28/07/1987	6,00	3,00	3,90	
54	Nguyễn Văn	Hải	3771040355	25/02/1995	5,00	3,00	3,60	
55	Lê Tuấn	Đời	3771040358	15/05/1995	6,00	5,00	5,30	
56	Trịnh Văn	Hiền	3771040362	10/12/1995	3,00	1,50	2,00	
57	Lê Tấn	Hiệp	3771040375	21/09/1995	5,00	7,80	7,00	
58	Trần Đình	Khiếu	3771040388	18/12/1995	5,00	2,00	2,90	
59	Lại Đình	Khôi	3771040393	25/01/1995	6,00			
60	Phó Quý	Lân	3771040395	13/08/1994	6,00	3,50	4,30	
61	Ngô Hoài	Nhân	3771040402	25/10/1995	4,00	4,30	4,20	
62	Lê Huỳnh	Đức	3771040403	13/02/1995	3,00			
63	Nguyễn Đức	Anh	3771040406	04/12/1993	3,00	5,00	4,40	
64	Nguyễn Văn	Thương	3771040408	02/03/1995	,00			
65	Võ Minh	Chánh	3771040412	13/04/1994	5,00	3,50	4,00	
66	Nguyễn Minh	Tuấn	3771040418	07/09/1995	2,00	,50	1,00	
67	Trần Văn	Khắc	3771040420	20/05/1995	5,00	7,00	6,40	
68	Thân Hoàng	Minh	3771040445	28/09/1995	6,00			
69	Hồ Văn	Hải	3771040467	29/12/1995	5,00	3,80	4,20	
70	Nguyễn Minh	Hiếu	3771040488	26/01/1995	,00			
71	Trịnh Đình	Đạt	3771040492	01/11/1995	1,00	,00	,30	
72	Lê Đức	Hải	3771040765	28/09/1994	5,00	,50	1,90	
73	Nguyễn Hồng	Khanh	3771040948	24/05/1995	3,00	2,80	2,90	
74	Nguyễn Kim	Sen	3771040967	19/08/1994	5,00	3,50	4,00	
75	Võ Thanh	Huy	3771041063	13/10/1993	6,00	1,30	2,70	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Trương Quốc	Hải	3771041065	16/09/1995	2,00	3,00	2,70	
77	Đỗ Đình	Đức	3771041110	25/08/1993	3,00	2,50	2,70	
78	Nguyễn Minh	Nhật	3771041127	25/08/1995	5,00	3,80	4,20	
79	Phạm Nhựt	Lâm	3771041142	19/02/1994	5,00	,00	1,50	
80	Nguyễn Hoài	Bảo	3771041146	10/12/1995	1,00	2,00	1,70	
81	Nguyễn Quang	Toà	3771041173	15/08/1995	4,00	3,00	3,30	
82	Võ Tấn	Vũ	3771041450	02/10/1995	,00	6,00	4,20	
83	Nguyễn Đình	Thái	3771042039	25/12/1994	8,00	5,80	6,50	
84	Huỳnh Văn Phúc	An	3771050026	11/03/1995	6,00	,50	2,20	
85	Nguyễn Thái	Linh	3771050568	27/09/1994	6,00			
86	Trần Chí	Cường	3771050657	10/07/1995	1,00			

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)